TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:423/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân

2. Bà Lại Thị Đắc

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Kim Sinh- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2019 /TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/4/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông D, sinh năm 1966
Địa chỉ: 502/10 đường H, Phường C, Quận T, Thành phố M

(Có mặt)
Bị đơn: Bà N, sinh năm 1966
Địa chỉ: 144/10C đường H, Phường C, Quận T, Thành phố M (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn ông D trình bày:

Ông D và bà N sống chung năm 1990 không đăng ký kết hôn.Vợ chồng sống không hạnh phúc do không hợp tính tình và cách sống, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, từ đó tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt, hai bên đã không sống chung từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N. Quá trình chung sống ông D và bà N có hai con chung tên Nguyễn Chí Thông, sinh ngày 18/5/1991 và Nguyễn Khánh Thịnh, sinh ngày 25/6/1999, hiện nay con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung không có và không có nợ chung . Về án phí dân sự sơ thẩm ông D xin chịu toàn bộ.

Bị đơn bà N trình bày: Ông D và bà N sống chung năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn vì bận công việc làm ăn và cũng không hiểu biết pháp luật. Trong thời gian chung sống bà N và ông D có hai con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 18/5/1991 và Nguyễn Khánh Th, sinh ngày 25/6/1999 các con đều đã thành niên. Bà Nga xác nhận giữa bà và ông Dũng có mâu thuẫn trầm trọng không thể sống chung và thực tế nhiều năm hai bên đã sống riêng. Bà N đồng ý ly hôn vì không muốn sống chung với ông D. Hiện nay bà Nvà ông D không có tài sản chung, cũng không có nợ chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn tuân thủ pháp luật, không có vi phạm tố tụng.Về nội dung đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn của ông D thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Ông D yêu cầu ly hôn bà N, căn cứ khoản 2, Điều 53, khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà N.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy ông D và bà N có hai con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 18/5/1991 và Nguyễn Khánh Th, sinh ngày 25/6/1999 các con đều đã thành niên nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung các đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông D:

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà N.

-Về con chung: Ông D và bà N có hai con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 18/5/1991 và Nguyễn Khánh Th, sinh ngày 25/6/1999 các con đều đã thành niên nên Tòa không đặt vấn đề giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên Tòa không đặt vấn đề giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông D phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0019215 ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Ông D và bà N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TANDTPHCM;
-VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thúy Hòa